

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHI CỤC CHẤT LƯỢNG
CHẾ BIẾN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG**

ĐẾN Số: 355
Ngày: 28/11/2026

Chuyển:.....

Số và ký hiệu HS:.....

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 27/THH/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÁI HƯNG**

Địa chỉ: **Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.**

Điện thoại: **02273.911.388**

Mã số doanh nghiệp: **1001015748**

Ngày cấp: **28/11/2013**

Nơi cấp: **Sở tài chính tỉnh Hưng Yên**

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:

- GMP Codex Alimentarius (TCVN 5630:2023 – Ref CXC 1-1969, Revised 2020) số TQC.09.5762, cấp ngày 16/12/2024. Nơi cấp: Trung tâm kiểm nghiệm và chứng nhận TQC CGLOBAL.
- Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn HACCP số VCA.1926.4A, cấp ngày 15/08/2025. Nơi cấp: Công ty Cổ phần chứng nhận VCA.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Trà cà gai leo rau má

2. Thành phần: Cà gai leo (35%), thảo quyết minh, sâm đất(nam dương sâm), kim ngân, rau má(5%), diệp hạ châu, an xoa, cỏ ngọt.

3. Hướng dẫn sử dụng và bảo quản sản phẩm:

Hướng dẫn sử dụng: Ngâm túi trà trong 400 – 500 ml nước đun sôi. Sử dụng sau 3 – 5 phút. Có thể thêm đá nếu thích.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, dưới 30°C, tránh ánh nắng trực tiếp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 135g/ hộp (4,5g/túi lọc; 30 túi lọc/khay nhựa/túi bạc; 1 túi bạc đóng trong hộp giấy I350) .

- Chất liệu bao bì: Bao bì sử dụng để bao gói tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được sản xuất từ giấy. Vật liệu bao gói đáp ứng TCVN 7975:2008 về chè thảo mộc túi lọc.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì khác theo yêu cầu của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất)

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÁI HƯNG – ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 1

Địa chỉ sản xuất: Thửa đất số 10, Tờ bản đồ số 19, Thôn Bến Hiệp, Xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Cơ sở xin cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn của cơ sở tự công bố phù hợp:

- Tiêu chuẩn TCVN 7959:2008 về chè thảo mộc túi lọc.
- Nghị định 37/2026/NĐ – CP ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Thông tư 30/2026/TT-BYT ban hành ngày 09 tháng 07 năm 2026 của Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Hưng Yên, ngày 22 tháng 9 năm 2026

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(ký, họ và tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Ngọc Huệ

PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

(Đình kèm bản tự công bố số: 27/THH/2026)

Các chỉ tiêu chất lượng đạt TCVN 7975:2008 về chè thảo mộc túi lọc

1. Chỉ tiêu cảm quan:

- Màu sắc nước pha: Màu vàng nâu đặc trưng
- Mùi: Thơm đặc trưng của sản phẩm
- Vị: đặc trưng của sản phẩm

2. Chỉ tiêu hóa lý:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn
1	Độ ẩm	%	≤ 10
2	Hàm lượng tro tổng số	%	≤ 8
3	Hàm lượng tro không tan trong axit	%	≤ 1

3. Giới hạn độc tố vi nấm trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng aflatoxin tổng số	$\mu\text{g/kg}$	15

3. Giới hạn kim loại nặng trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Asen (As)	mg/kg	1
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	2
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

4. Giới hạn Vi sinh vật trong sản phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	1×10^6
2	Coliforms	CFU/g	1×10^3
3	Salmonella	CFU/25g	Không được có
4	Nấm men	CFU/g	1×10^4
5	Nấm mốc	CFU/g	1×10^4

5. Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong sản phẩm

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Chlorpyrifos-methyl	mg/kg	0,1
2	Cypermethrin	mg/kg	20
3	Fenitrothion	mg/kg	0,5
4	Flucythrinate	mg/kg	20
5	Methidathion	mg/kg	0,5
6	Permethrin	mg/kg	20
7	Propargite	mg/kg	5

10070
ÔNG TY
CỔ PHẦN
CƠ THƯƠNG
T NHẬP K
HẢI HƯNG
HUNG



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

KLT: 135 g (30 gói x 4,5 g)

- Tên sản phẩm:** TRÀ CÀ GAI LEO RAU MÁ
- Thành phần:** Cà gai leo(35%), thảo quyết minh, sâm đất(nam dương sâm), kim ngân, rau má(5%), diệp hạ châu, an xoa, cỏ ngọt.
- Hướng dẫn sử dụng:** Ngâm túi trà trong 400 – 500 ml nước đun sôi. Sử dụng sau 3 – 5 phút. Có thể thêm đá nếu thích.
- Hướng dẫn bảo quản:** Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, dưới 30°C, tránh ánh nắng trực tiếp.
- Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn hoặc bao bì không còn nguyên vẹn.

Nên sử dụng trong vòng 30 ngày khi mở túi để có chất lượng trà tốt nhất.

NSX (ngày/tháng/năm): *in trên bao bì*

HSD: *24 tháng kể từ ngày sản xuất*

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g sản phẩm

Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng (Calories)	kcal	183
Chất đạm (Protein)	g	14,4
Carbohydrate (không xơ)	g	23,5
Chất béo (Total Fat)	g	3,54
Natri (Sodium)	mg	147

Số CNCSDĐKATTP:

GMP Codex Alimentarius số TQC.09.5762

HACCP số VCA.1926.4A

Số TCB: 27/THH/2026

Phân phối bởi: CÔNG TY TNHH HERBAFOOD.

Địa chỉ: Thôn Bến Hiệp, xã Minh Thọ, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÁI HƯNG

Địa chỉ sản xuất: Thửa đất số 10, Tờ bản đồ số 19, Thôn Bến Hiệp, xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam

Số/ No.: VLAB0-260817-036/1

Ngày phát hành/ Issue date : 28/08/2026
Trang/ Page : 1/4

Tên khách hàng/ Company⁽¹⁾: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÁI HƯNG**

Địa chỉ/ Address⁽¹⁾: **Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên**

Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt: **17/08/2026**

Thời gian kiểm nghiệm/ Testing period: **17/08/2026 đến 27/08/2026**

Tên mẫu/ Sample Name⁽¹⁾: **TRÀ CÀ RAI LEO RAU MÁ**

Mô tả mẫu/ Sample description: **Mẫu chứa trong túi nhựa kín/ Sample in sealed plastic bag.**

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULTS
[Xem trang kế/ See next page (s)]

Ghi chú/ Notes:

(1) Thông tin do khách hàng cung cấp/ ⁽¹⁾ Information provided by client.

(a) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (a) Parameter is accredited to ISO/IEC 17025:2017.

(b) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật/ (b) Parameter is designated by the Department of Crop Production and Plant Protection.

(c) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn nuôi và Thú y/ (c) Parameter is designated by the Department of Livestock Production and Veterinary.

(d) Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường/ (d) Parameter is designated by the National Authority for Agro-Forestry-Fishery Quality, Processing and Market Development.

(e) Chỉ tiêu được chỉ định của Bộ Công thương/ (e) Parameter is designated by the Ministry of Industry and Trade.

(s) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ (s) Parameter was performed by the subcontractor.

Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử/ The test results are valid only on submitted sample.

- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of quantification.

- KPH/ ND: Không phát hiện/ Not detected.

- Thời gian lưu mẫu 07 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Sample storage time: 07 days from the date of result issuance.

Tất cả các chỉ tiêu (ngoại trừ chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ) được thực hiện bởi Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ VietLabs Trung tâm phân tích/ All parameters (except subcontracted items) were performed by the Branch of VietLabs Technology JSC – Analysis Center.

Phiếu kết quả kiểm nghiệm này là một thể thống nhất, không được sao chép một phần báo cáo này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VietLabs/ Test Report is a unified whole, no part of this test report may be reproduced without the written consent of VietLabs.

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of Laboratory



Nguyễn Ngọc Hân

TUQ. Tổng Giám đốc/ For General Director
Giám đốc kỹ thuật/ Technical Director



Phạm Lê Tiến Khánh

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F07

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260817-036/1

Ngày phát hành/ Issue date : 28/08/2026
Trang/ Page : 2/4

Kết quả/ result

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ
1.	Định lượng Tổng vi sinh vật hiếu khí/ Enumeration of aerobic microorganism	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022(a)	CFU/g	9,6 x 10 ⁴	-
2.	Định lượng E.coli dương tính với β-glucuronidase/ Enumeration Escherichia coli β-glucuronidase positive	TCVN 7924-2: 2008 (ISO 16649-2: 2001)(a)	CFU/g	<10	-
3.	Định lượng Coliforms/ Enumeration of Coliforms	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(a)	CFU/g	8,4 x 10 ²	-
4.	Phát hiện Salmonella spp./ Detection of Salmonella spp.	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020(a)	/25g	KPH/ND	-
5.	Định lượng nấm mốc/ Enumeration of moulds	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)(a)	CFU/g	6,0 x 10 ¹	-
6.	Định lượng nấm men/ Enumeration of yeasts	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)(a)	CFU/g	<10	-
7.	Hàm lượng Asen (As)/ Arsenic (As) content	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,03
8.	Hàm lượng Cadimi (Cd)/ Cadmium (Cd) content	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,015
9.	Hàm lượng Chì (Pb)/ Lead (Pb) content	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,05
10.	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)/ Mercury (Hg) content	AOAC 2015.01(a)	mg/kg	KPH/ND	0,02
11.	Hao hụt khối lượng ở 103°C/ Loss in mass at 103°C (#)	TCVN 5613:2007(a)	%	2,08	-
12.	Hàm lượng tro tổng/ Total crude ash content	TCVN 5611:2007(a)	%	6,93	-
13.	Hàm lượng tro không tan trong axit clohidric/ Insoluble ash in hydrochloric acid	TCVN 5612:2007(a)	%	0,24	-

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F07

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260817-036/1

Ngày phát hành/ Issue date : 28/08/2026
Trang/ Page : 3/4

TT No.	Chỉ tiêu Parameter	Phương pháp phân tích Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	LOQ
14.	Aflatoxin tổng số/ Total Aflatoxins	VLAB-CH-TP-599(a)	µg/kg	KPH/ND	2
15.	Flucythrinate	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	mg/kg	KPH/ND	0,01
16.	Fenitrothion	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	mg/kg	KPH/ND	0,01
17.	Chlorpyrifos-methyl	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	mg/kg	KPH/ND	0,01
18.	Methidathion	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	mg/kg	KPH/ND	0,01
19.	Permethrin-cis-trans	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	mg/kg	KPH/ND	0,01
20.	Cypermethrin	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	mg/kg	KPH/ND	0,01
21.	Propargite	VLAB-CH-TP-614 (Ref: AOAC 2007.01)(a)	mg/kg	KPH/ND	0,01
22.	Năng lượng/ Calories	VLAB-CH-TP-140	Kcal/100g	183	-
23.	Hàm lượng Protein/ Protein content	VLAB-CH-TP-138 (Ref: TCVN 10034:2013)	g/100g	14,4	-
24.	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm xơ)/ Carbohydrate (not include dietary fiber) content	VLAB-CH-TP-140	g/100g	23,5	-
25.	Hàm lượng Béo tổng/ Total fat content	VLAB-CH-TP-106(a)	g/100g	3,54	-
26.	Hàm lượng Natri (Na)/ Sodium (Na) content	VLAB-CH-TP-204 (Ref: AOAC 969.23)(a)	mg/100g	147	-

Ghi chú/ Remark(s):

(#) Độ ẩm

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F07

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Hồ Chí Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Xuyên, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City
Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province
Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

Số/ No.: VLAB0-260817-036/1

Ngày phát hành/ Issue date : 28/08/2026
Trang/ Page : 4/4

Đối với phương pháp thử nghiệm vi sinh – kỹ thuật đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, kết quả không phát hiện khuẩn lạc được báo cáo kết quả <10 CFU/g. / For the microbiological testing method – pour-plate technique with a dilution factor of 10, result of not detected colonies is reported as <10 CFU/g.

[Kết thúc báo cáo/ End of report]



VietLabs
Your Trusted Partner

Ngày hiệu lực/ Effective date: 25/03/2026

VLAB-QM-LOP-023/F07

Công Ty Cổ Phần Công Nghệ VietLabs
VietLabs Technology Joint Stock Company

Số 60 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
60 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City
Điện thoại/Tel: (+84) 28 789 78910

Trung tâm phân tích/Testing Center

Ho Chi Minh Số 62 đường số 2, Phường Long Trường, Thành phố Hồ Chí Minh
62 Street 2, Long Truong Ward, Ho Chi Minh City

Can Tho Lô số LK5-12 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Long Tuyền, Thành phố Cần Thơ
LK5-12 Nguyen Van Cu Street, Long Tuyen Ward, Can Tho City

Bac Lieu Số 479 đường Cao Văn Lầu, Phường Vĩnh Trạch, Tỉnh Cà Mau
479 Cao Van Lau Street, Vinh Trach Ward, Ca Mau Province

Ca Mau Số 214B đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lý Văn Lâm, Tỉnh Cà Mau
214B Nguyen Dinh Chieu Street, Ly Van Lam Ward, Ca Mau Province

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 1001015748

Đăng ký lần đầu: ngày 28 tháng 11 năm 2013

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 04 tháng 12 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU THÁI HUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY THÁI HUNG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 02273.911.388

Số Fax:

Thư điện tử: thaihungvinacorn@gmail.com

Website: thaihungtea.com

3. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 6.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: LÊ NGỌC HUÊ

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 16/10/1985

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 034085010542

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Thôn Bồ Trang 3, Xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Phương

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Huệ

CHỨNG NHẬN



Tổ chức Chứng nhận VCA

Chứng nhận:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÁI HƯNG

Địa chỉ:

Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Minh Thọ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Nhà máy: Thửa đất số 10, Tờ bản đồ số 19, Thôn Bến Hiệp, Xã Minh Thọ,
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Thực hiện và duy trì Hệ thống Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn -
HACCP

Với phạm vi áp dụng:

- Sản xuất trà túi lọc và các sản phẩm dạng bột từ rau củ quả, ngũ cốc, thảo mộc;
- Sản xuất nguyên liệu dạng cao từ thảo mộc;
- Phối trộn, đóng gói: cà phê, cà phê hòa tan, hạt dinh dưỡng, củ quả khô;
- Sản xuất (phối trộn, đóng gói) thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng dạng bột.
(Code: CIV).

Đã được đánh giá và phù hợp với yêu cầu tiêu chuẩn:

TCVN 5603:2023 (CAC/RCP 1-1969, Rev.2022-HACCP)

Chứng nhận số:

VCA.1926.4A

Ngày cấp:

15 - 08 - 2025

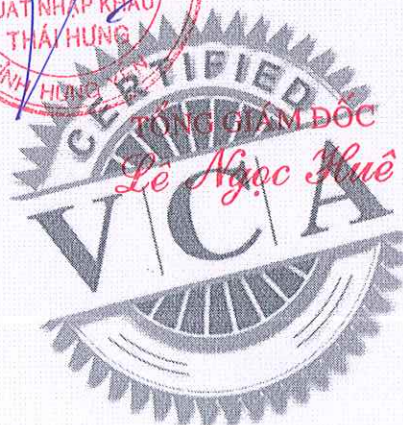
Thời hạn hiệu lực:

14 - 08 - 2028



Đặng Anh Tuấn
Tổng giám đốc

VITRANCO BUILDING, 192 Thái Thịnh,
Quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.



GIẤY CHỨNG NHẬN



Chứng nhận quy phạm thực hành sản xuất tốt (GMP) của

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÁI HƯNG

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Quỳnh Giao, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

Địa điểm sản xuất: Thửa đất số 10, Tờ bản đồ số 19, Thôn Bến Hiệp, xã Quỳnh Giao, huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:

GMP Codex Alimentarius

(TCVN 5603:2023 – Ref CXC 1-1969, Revised 2020)

Cho lĩnh vực:

- Sản xuất trà túi lọc; sản phẩm dạng bột từ rau củ quả, ngũ cốc, thảo mộc.
- Sản xuất nguyên liệu dạng cao từ thảo mộc.
- Phối trộn, đóng gói: bột sữa, nông sản sấy khô, cà phê và cà phê hòa tan.
- Sản xuất (phối trộn, đóng gói) thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng dạng bột.

(Mã lĩnh vực/Food code: CIV)

Số Giấy chứng nhận	:	TQC.09.5762	Ngày bắt đầu chu kỳ	:	16/12/2024
Loại hình cấp	:	Chứng nhận lần đầu	Phiên bản	:	01
Ngày hiệu lực	:	16/12/2024	Ngày kết thúc	:	15/12/2027

Từ ngày 16/12/2025, Giấy chứng nhận này có hiệu lực nếu có Thông báo kết quả đánh giá giám sát duy trì hiệu lực của TQC CGLOBAL đi kèm theo (trong 03 năm thực hiện giám sát duy trì hiệu lực 02 lần).

Quét mã truy xuất
chứng chỉ



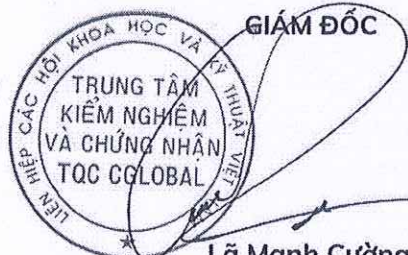
TQC.09.5762

Dấu chứng nhận



TQC CERTIFICATE No.
TQC.5762

GIÁM ĐỐC



Lã Mạnh Cường

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM - TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ CHỨNG NHẬN TQC CGLOBAL

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://tqc.vn/khach-hang-hieu-luc.htm> - Văn phòng cấp chứng chỉ: Biệt thự C11, Khu Pandora, Số 53 Phố Triều Khúc, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hotline Hà Nội: 0969416668 - Đà Nẵng: 0968799816 - Hồ Chí Minh: 0988397156; Email: certify@tqc.vn; Website: <http://tqc.vn>

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 19 tháng 07 năm 2024

1. Tên địa điểm kinh doanh: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÁI HUNG – ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH SỐ 1

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 19, thôn Bền Hiệp, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0888757919

Email:

Fax:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: LÊ NGỌC HUỆ

Sinh ngày: 16/10/1985

Dân tộc: Kinh

Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034085010542

Ngày cấp: 05/12/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Bò Trang 3, Xã Quỳnh Hoa, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Bò Trang 3, Xã Quỳnh Hoa, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THÁI HUNG

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 1001015748

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Cụm Công nghiệp Quỳnh Giao, Xã Quỳnh Giao, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Thị Phương

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu

